

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 8 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn

Bà Nguyễn Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hữu Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2005;

Địa chỉ: Xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội vào ngày 01 tháng 6 năm 2023.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh Đỗ T ở thôn 6, xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng những ngày đầu sống chung đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi kết hôn chị sinh con ngay, chị ở nhà chăm sóc con nhỏ, không đi làm; còn anh T cũng ham chơi, không đi làm, không có thu nhập để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị đã động viên khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng ít nói chuyện với nhau, không quan tâm đến nhau. Ngày 17/7/2023 (sau khi sinh con được 01 tháng) chị và con về nhà bố mẹ đẻ chị tại xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Cuối tháng 9 năm 2023 mẹ con chị về nhà anh T tại xã L, huyện P, Thành phố

Hà Nội sinh sống. Ngay sau khi về sống cùng, vợ chồng lại mâu thuẫn, cãi nhau. Chị cảm thấy giữa chị và anh T không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa. Do vậy, ở với anh T được vài ngày, chị và con lại về nhà bố mẹ đẻ chị tại xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Vợ chồng đã ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống và bất đồng quan điểm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 17/6/2023. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Đỗ Gia H. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức với hai bên gia đình, về nợ: Chị và anh T không có công sức và không có nợ chung.

- Bị đơn anh Đỗ T từ khi thụ lý vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ T và xin được nuôi con chung. Anh Đỗ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng trình tự, đúng qui định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ T tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ T; giao con chung là cháu Đỗ Gia H cho chị Nguyễn Thị T nuôi. Chị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Về tài sản và nợ chị T xác định không có nên không đề nghị giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ T có địa chỉ cư trú tại thôn 6, xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội. Đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ T nhưng anh T cố tình vắng mặt không đến Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 220 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Đỗ T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đỗ T theo trình tự, thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội vào ngày 01/6/2023 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 9 năm 2023. Hiện nay chị T sinh sống tại xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình, còn anh T sinh sống tại thôn 6, xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng ly thân, ít quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đối với anh T không còn nên xin ly hôn anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng anh Đỗ T không có quan điểm, không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Điều đó thể hiện anh T không có thiện chí và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại và mục đích quan hệ hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ T có một con chung là cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 17/6/2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu Hân. Xét cháu Hân dưới 36 tháng tuổi, hiện nay chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và phù hợp với điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung là cháu Đỗ Gia H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đỗ T cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Đỗ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định không có tài sản, công sức và nợ chung. Quá trình giải quyết Tòa án không lấy được ý kiến của anh Đỗ T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, công sức và nợ chung của chị T và anh T.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ T có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83

của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ T.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ T có một con chung là cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 17/6/2023.

Giao cháu Đỗ Gia H cho chị Nguyễn Thị T nuôi cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đỗ T cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Đỗ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức với gia đình và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013154 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Đỗ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Dung

